ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ VĂN HÁN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13 /QĐ-UBND	*Văn Hán, ngày 18 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán thu - chi ngân sách xã Văn Hán Quý 4 năm 2022

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN HÁN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;Luật sửa đổi, bổ sung một số điêìu của Luật tổ chức Chính Phủ và luật tổ chức Chính quyền địa phương nưm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Văn Hán về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã Văn Hán năm 2022;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán ngân sách xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai dự toán thu chi ngân sách xã Văn Hán quý 4 năm 2022 *(theo các biểu kèm theo Quyết định này).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND, Kế toán ngân sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy- HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Trưởng xóm;
- Lưu: VP UBND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Hiền

UBND Xã Văn Hán
Mã QHNS: 1010326

Biểu số 113/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư sô 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Quý 4 Năm 2022

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	**Tổng số thu**	**5.475.000**	**7.825.508,58**	**14.293,17**
1.	**Các khoản thu 100%**	**158.000**	**40.767,5**	**258,02**
2.	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**143.000**	**40.627,26**	**2.841,07**
3.	**Thu chuyển nguồn**		**402.836,06**	
4.	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**5.174.000**	**7.248.257,25**	**14.009**
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.174.000	1.289.000	0,02
	- Bổ sung có mục tiêu		5.959.257,25	
II.	**Tổng số chi**	**5.329.000**	**9.756.132,84**	**18.307,62**
1.	Chi đầu tư phát triển		4.427.508,22	
2.	Chi thường xuyên	5.329.000	5.328.624,62	0,1
3.	Dự phòng	77.000		

Ngày 18 tháng 1 năm 2023

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngô Văn Trường

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

U.B.N.D XÃ VĂN HÁN H.ĐỒNG HỶ T.THÁI NGUYÊN

Nguyễn Xuân Hiền

UBND Xã Văn Hán
Mã QHNS: 1010326

Biểu số 114/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Quý 4 Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	**5.624.000.000**	**5.475.000.000**	**7.481.026.050**	**7.422.672.527**	**133**	**136**
I. Các khoản thu 100%	**158.000.000**	**158.000.000**	**40.819.665**	**40.767.500**	**26**	**26**
- Phí, lệ phí	73.000.000	73.000.000	23.750.000	23.750.000	33	33
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	85.000.000	85.000.000	17.069.665	17.017.500	20	20
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**292.000.000**	**143.000.000**	**98.928.618**	**40.627.260**	**34**	**28**
1. Các khoản thu phân chia	33.000.000	23.000.000	29.641.445	14.893.623	90	65
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			145.800	145.800		
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	13.000.000	13.000.000				
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	20.000.000	10.000.000	29.495.645	14.747.823	147	147
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	259.000.000	120.000.000	69.287.173	25.733.637	27	21
- Thuế giá trị gia tăng	120.000.000	120.000.000	25.733.637	25.733.637	21	21
- Thuế TNDN						
- Thuế thu nhập cá nhân	139.000.000		43.553.536		31	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn						
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			**93.020.514**	**93.020.514**		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**5.174.000.000**	**5.174.000.000**	**7.248.257.253**	**7.248.257.253**	**140**	**140**
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.174.000.000	5.174.000.000	1.289.000.000	1.289.000.000	25	25
- Bổ sung có mục tiêu			5.959.257.253	5.959.257.253		

Ngày 18 tháng 1 năm 2023

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngô văn Trường

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Xuân Hiền

UBND Xã Văn Hán
Mã QHNS: 1010326

Biểu số 115/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Quý 4 Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi	**5.575.000.840**		**5.575.000.840**	**9.756.132.836**	**4.427.508.220**	**5.328.624.616**	**175**		**95,58**
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tư an toàn xã hội	755.400.000		755.400.000	261.108.192		261.108.192	34,57		34,57
- Chi dân quân tự vệ	419.500.000		419.500.000	136.900.243		136.900.243	32,63		32,63
- Chi trật tư an toàn xã hội	335.900.000		335.900.000	124.207.949		124.207.949	36,98		36,98
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	75.100.000		75.100.000	17.433.000		17.433.000	23,21		23,21
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	7.663.736		7.663.736	21,9		21,9
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	60.000.000		60.000.000	17.474.800		17.474.800	29,12		29,12
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	90.000.000		90.000.000	4.110.176.420	4.027.508.220	82.668.200	4.566,86		91,85
- Giao thông	15.000.000		15.000.000	4.042.508.220	4.027.508.220	15.000.000	26.950,05		100
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	70.000.000		70.000.000	2.700.000		2.700.000	3,86		3,86
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch	5.000.000		5.000.000	5.000.000		5.000.000	100		100
- Các hoạt động kinh tế khác				59.968.200		59.968.200			
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.433.500.840		4.433.500.840	2.149.874.993	400.000.000	1.749.874.993	48,49		39,47
Trong đó: Quỹ lương				1.037.677.312		1.037.677.312			
10.1. Quản lý Nhà nước	2.224.040.840		2.224.040.840	1.387.107.576	400.000.000	987.107.576	62,37		44,38
10.2. Hội đồng nhân dân	335.800.000		335.800.000	140.147.956		140.147.956	41,74		41,74
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	830.000.000		830.000.000	249.745.160		249.745.160	30,09		30,09
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	394.000.000		394.000.000	199.600.380		199.600.380	50,66		50,66
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	155.000.000		155.000.000	35.887.012		35.887.012	23,15		23,15
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	81.300.000		81.300.000	28.220.995		28.220.995	34,71		34,71
10.7. Hội Cựu chiến binh	67.000.000		67.000.000	26.234.295		26.234.295	39,16		39,16
10.8. Hội Nông dân	137.300.000		137.300.000	36.893.219		36.893.219	26,87		26,87

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	32.700.000		32.700.000	10.420.200		10.420.200	31,87		31,87
10.10. Hội Người cao tuổi	85.900.000		85.900.000	9.526.200		9.526.200	11,09		11,09
10.11. Hội khuyến học	18.092.000		18.092.000	2.000.000		2.000.000	11,05		11,05
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	72.368.000		72.368.000	24.092.000		24.092.000	33,29		33,29
11. Chi cho công tác xã hội	126.000.000		126.000.000	37.317.000		37.317.000	29,62		29,62
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	116.000.000		116.000.000	37.317.000		37.317.000	32,17		32,17
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội	10.000.000		10.000.000						
- Khác									
12. Chi nộp trả NS				6.705.000		6.705.000			
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				3.148.379.695		3.148.379.695			

Ngày 18 tháng 1 năm 2023

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngô Văn Trường

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Xuân Hiền